

UBND XÃ EA M'DROH
TRƯỜNG THCS NGÔ MÂY

Số: 13/BC-NM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ea M'Droh, ngày 24 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG THCS NGÔ MÂY

2. Địa chỉ trụ sở chính: Buôn Ea M'Droh, xã Ea M'droh, tỉnh Đắk Lắk

Email: ngomay@pgdcumgar.edu.vn

Webside: <https://c2ngomay-eamdroh.daklak.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng:

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

- Tầm nhìn:

Phấn đấu xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng mọi điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nâng cao vị thế của nhà trường trong toàn xã; Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên. Chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu, luôn đổi mới, phát triển nhà trường theo hướng “trường học hiện đại” để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục và hội nhập quốc tế, được phụ huynh học sinh và học sinh tin cậy;

Là nơi đào tạo học sinh thành những con người năng động, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt trong cộng đồng;

Phấn đấu là một trong những trường có nề nếp, có chất lượng khá tốt và ổn định, là bộ mặt giáo dục giáo dục truyền thống Buôn cách mạng, phát huy văn hóa bản sắc dân tộc nơi đây và phát huy vai trò giáo viên và học sinh không ngừng rèn luyện học tập nâng cao chất lượng dạy và học.

- Mục tiêu:

Phát triển nhà trường theo mô hình “trường học hiện đại” có môi trường thân thiện, có uy tín về chất lượng giáo dục phấn đấu trường đạt chuẩn quốc gia năm 2028.

Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng theo tiêu chí xây dựng trường chuẩn Quốc gia theo văn bản số 12/2018/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn có được niềm tin của cấp uỷ, chính quyền và nhân dân địa phương.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Ngô Mây đóng chân trên địa bàn Buôn Ea M'Droh, xã Ea M'Droh, tỉnh Đắk Lắk. Trường được tách ra từ trường PTCS Ngô Mây theo Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND huyện Cư M'gar. Trường cách trung tâm xã Ea M'Droh khoảng 08 km về phía Tây.

Học sinh nơi đây chủ yếu là người dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ 91.29% trong đó dân tộc Ê đê và Dao chiếm tỉ lệ 80%. Kinh tế của người dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, điều kiện kinh tế nơi đây còn nhiều khó khăn tỉ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm khoảng 6%. Trong xã còn có 01 thôn vùng kinh tế khó khăn (thôn vùng 3). Kinh tế của xã là nông nghiệp, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập chính của nhân dân chủ yếu dựa vào lúa, bắp, đậu, trồng cà phê, tiêu... Những năm gần đây đời sống kinh tế tuy có nâng lên nhưng nhìn chung vẫn còn thấp so với các vùng trung tâm các xã khác nói chung và xã Ea M'Droh nói riêng.

Xã hiện mới được sáp nhập vào tháng 7 năm 2025 gồm 03 xã và tiền thân xã cũ có 02 trường Tiểu học và 01 trường THCS. Chất lượng giáo dục ở các bậc học của xã trong những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng giáo dục ngày được nâng lên, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp ngày càng cao, học sinh Tốt, Khá ở các cấp và học sinh lên lớp thẳng ngày càng nhiều hơn. Tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học ngày càng giảm. Những năm qua, sự nghiệp giáo dục đào tạo ngày càng có những bước phát triển về quy mô trường lớp lẫn chất lượng giáo dục

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Hiệu trưởng: Ông Đinh Tiến Dũng

Điện thoại: 0837847779, Email: dungngomayeamdroh@gmail.com

Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập:

Trường THCS Ngô Mây, Trường được tách ra từ trường PTCS Ngô Mây theo Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 19/8/2005 của UBND huyện Cư M'gar.

Trường có Hội đồng trường thành lập theo quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Cư M'gar Về việc thành lập Hội đồng trường THCS Ngô Mây, nhiệm kỳ 2021- 2026 gồm có 09 thành viên; Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Cư M'gar Về việc

công nhận Chủ tịch Hội đồng trường THCS Ngô Mây, nhiệm kỳ 2021- 2026 đối với Ông Đinh Tiến Dũng.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 309/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Ea M'Droh, Về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường trung học cơ sở Ngô Mây đối với viên chức Đinh Tiến Dũng, nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Quyết định số 298/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Ea M'Droh, Về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường trung học cơ sở Ngô Mây đối với viên chức Cao Xuân Quế, nhiệm kỳ 26 năm kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2025.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: (Phụ lục riêng)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, nhân viên:

a) CBQL, GV, NV

Nhân sự	Tổng số	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới TC
CBQL	2	1	1			
Giáo viên	22	1	17	4		
Nhân viên	5		1	2	1	1
Tổng cộng	29	2	19	6	1	1

***Về đội ngũ theo từng môn**

TT	Môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế	HĐ	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				T Sĩ	ĐH	CD	Khác
1	Toán học	4	2	1	3	1	1	1	1	
2	Ngữ văn	4	3	2	4			2	2	
3	Tiếng Anh	2	2	1	2			2		
4	Vật lý	2	1	1	2			1		
5	Hóa học	1		1	1			1		
6	Sinh học	1	1		1			1		
7	Lịch sử	1	1		1			1		
8	Địa lý	1	1		1			1		
9	GDCD	0								
10	Công nghệ	0								

11	Thể dục	2		1	1	1		1	1	
12	Âm nhạc	2	1	2	2			2		
13	Mỹ thuật	1				1				
14	Tin học	1	1	1	1			1		
	Cộng	22	13	9	19	3	1	15	4	

Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	HĐ	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Th.S	ĐH	CĐ	TC
1	Hiệu trưởng	1	0	1	1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	1	0	1	1			1		
	Tổng	2		2	2		1	1		
1	Kế toán	0								
2	Văn thư	1	1	1	1				1	
3	Thư viện	1	1		1				1	
4	TB-PTH	1	1		1				1	
5	Y tế	1	1		1					1
6	Bảo vệ	1				1				
	Tổng	5	4	1		1	0		1	1

b) Về học sinh:

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ DT	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Khối 6	120	54	45.00%	112	93.33%	51	42.50%
6A	40	18	45.00%	38	95.00%	17	42.50%
6B	40	18	45.00%	37	92.50%	17	42.50%
6C	40	18	45.00%	37	92.50%	17	42.50%
Khối 7	114	52	45.61%	103	90.35%	47	41.23%
7A	38	17	44.74%	36	94.74%	15	39.47%
7B	38	16	42.11%	36	94.74%	16	42.11%
7C	38	19	50.00%	31	81.58%	16	42.11%
Khối 8	118	60	50.85%	109	92.37%	57	48.31%
8A	35	24	68.57%	29	82.86%	21	60.00%
8B	40	17	42.50%	39	97.50%	17	42.50%
8C	43	19	44.19%	41	95.35%	19	44.19%
Khối 9	96	55	57.29%	85	88.54%	51	53.13%
9A	48	27	56.25%	43	89.58%	24	50.00%
9B	48	28	58.33%	42	87.50%	27	56.25%
Tổng cộng	448	221	49.33%	409	91.29%	206	45.98%

- Đội ngũ: cơ bản đủ về số lượng, cơ cấu (Thiếu 01 kế toán). Đang hợp đồng 111 là 03 giáo viên.

- Chi bộ: Cấp ủy: 03

- Tổng số đảng viên: 11, Nữ: 04

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

(Tính theo mức độ 1 của thông tư 13/TT-BGD ngày 26/5/2020)

1. Khối hành chính quản trị:

- Đã có: Phòng Hiệu trưởng, Văn phòng, khu vệ sinh giáo viên, nhà để xe giáo viên. (Tốt)

- Còn thiếu: Phòng bảo vệ, phòng kế toán, phòng phó hiệu trưởng.

2. Khối phòng học tập:

- Đã có:

+ Phòng học: 8 phòng, đủ học 2 ca/ngày

+ Phòng tin học: 01 phòng

- Còn thiếu:

+ Phòng Công nghệ: 01 phòng

+ Phòng Âm nhạc: 01 phòng

+ Phòng Ngoại ngữ: 01 phòng

+ Phòng đa năng: 01 phòng

+ Phòng Mỹ thuật: 01 phòng

+ Phòng KHTN: 02 phòng

3. Khối phòng hỗ trợ học tập:

- Đã có: Phòng Thư viện, Thiết bị, Đoàn đội (đang mượn phòng học sử dụng chưa đạt chuẩn)

- Còn thiếu: Phòng truyền thống, phòng tư vấn

4. Khối phụ trợ:

- Đã có: Phòng họp hội đồng, Phòng Y tế (làm tạm), Khu để xe học sinh, khu vệ sinh học sinh.

- Còn thiếu: Nhà kho, phòng y tế đạt chuẩn

5. Các khối khác:

- Cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy học, hoạt động giáo dục, an toàn... Tuy vậy thiết bị dạy học đang thiếu, chỉ đáp ứng được khoảng 60% yêu cầu.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá

Nhà trường đã triển khai tự đánh giá theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT. Kết quả tự đánh giá năm học 2024-2025 và triển khai văn bản số 12/2018/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; như sau:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3: Nhà trường đang xây dựng kế hoạch, tổ chức tổng hợp minh chứng và đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn theo khung đánh giá trường chuẩn Quốc gia.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. Trường trung học cơ sở Ngô Mây tự đánh giá **chưa đạt** tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Kết quả học tập của học sinh năm học 2024-2025:

*Chất lượng mũi nhọn

- 01 học sinh đạt giải khuyến khích môn Lịch sử và Địa lí
- 01 giải khuyến khích HSG cấp tỉnh.
- 01 giải KK sản phẩm STEM cấp huyện

*Chất lượng đại trà

- Về học tập và Rèn luyện:

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường		400	25	6.25	118	29.5	252	63	5	1.25	340	85	60	15	0	0	0	0	0	0	25	6.25
1/ Khối 6		114	4	3.51	42	36.8	64	56.1	4	3.51	102	89.5	12	10.5	0	0	0	0	0	0	4	3.51
2/ Khối 7		117	6	5.13	36	30.8	75	64.1	0	0	92	78.6	25	21.4	0	0	0	0	0	0	6	5.13
3/ Khối 8		97	12	12.4	29	29.9	55	56.7	1	1.03	82	84.5	15	15.5	0	0	0	0	0	0	12	12.4
4/ Khối 9		72	3	4.17	11	15.3	58	80.6	0	0	64	88.9	8	11.1	0	0	0	0	0	0	3	4.17

-Chất lượng môn học

Môn	Khối	Tổng số (*)	0-3.4		3.5-4.9		5.0-6.4		6.5-7.9		8.0-10		TB trở lên	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Ngữ Văn	Khối 6	114	0	0	0	0	68	59.65	38	33.33	8	7.02	114	100
	Khối 7	117	0	0	0	0	70	59.83	42	35.9	5	4.27	117	100
	Khối 8	97	0	0	1	1.03	45	46.39	34	35.05	17	17.53	96	98.97
	Khối 9	72	0	0	21	29.17	40	55.56	10	13.89	1	1.39	51	70.83
	TS	400	0	0	22	5.5	223	55.75	124	31	31	7.75	378	94.5
Toán	Khối 6	114	0	0	10	8.77	48	42.11	36	31.58	20	17.54	104	91.23
	Khối 7	117	0	0	5	4.27	76	64.96	30	25.64	6	5.13	112	95.73
	Khối 8	97	0	0	3	3.09	67	69.07	13	13.4	14	14.43	94	96.91
	Khối 9	72	0	0	0	0	50	69.44	19	26.39	3	4.17	72	100
	TS	400	0	0	18	4.5	241	60.25	98	24.5	43	10.75	382	95.5
Tiếng Anh	Khối 6	114	0	0	30	26.32	33	28.95	35	30.7	16	14.04	84	73.68
	Khối 7	117	0	0	27	23.08	50	42.74	29	24.79	11	9.4	90	76.92
	Khối 8	97	1	1.03	12	12.37	42	43.3	28	28.87	14	14.43	84	86.6
	Khối 9	72	0	0	27	37.5	35	48.61	10	13.89	0	0	45	62.5
	TS	400	1	0.25	96	24	160	40	102	25.5	41	10.25	303	75.75
GDCD	Khối 6	114	0	0	0	0	50	43.86	54	47.37	10	8.77	114	100
	Khối 7	117	0	0	0	0	38	32.48	56	47.86	23	19.66	117	100
	Khối 8	97	0	0	1	1.03	17	17.53	48	49.48	31	31.96	96	98.97
	Khối 9	72	0	0	0	0	0	0	53	73.61	19	26.39	72	100
	TS	400	0	0	1	0.25	105	26.25	211	52.75	83	20.75	399	99.75
Lịch sử và Địa lí	Khối 6	114	0	0	0	0	62	54.39	47	41.23	5	4.39	114	100
	Khối 7	117	0	0	1	0.85	60	51.28	49	41.88	7	5.98	116	99.15
	Khối 8	97	0	0	0	0	37	38.14	46	47.42	14	14.43	97	100
	Khối 9	72	0	0	0	0	25	34.72	39	54.17	8	11.11	72	100
	TS	400	0	0	1	0.25	184	46	181	45.25	34	8.5	399	99.75
Khoa học Tự nhiên	Khối 6	114	0	0	18	15.79	48	42.11	36	31.58	12	10.53	96	84.21
	Khối 7	117	0	0	4	3.42	41	35.04	51	43.59	21	17.95	113	96.58
	Khối 8	97	0	0	5	5.15	39	40.21	33	34.02	20	20.62	92	94.85
	Khối 9	72	0	0	0	0	30	41.67	35	48.61	7	9.72	72	100
	TS	400	0	0	27	6.75	158	39.5	155	38.75	60	15	373	93.25
Công nghệ	Khối 6	114	0	0	0	0	73	64.04	35	30.7	6	5.26	114	100
	Khối 7	117	0	0	0	0	59	50.43	47	40.17	11	9.4	117	100
	Khối 8	97	0	0	1	1.03	34	35.05	54	55.67	8	8.25	96	98.97
	Khối 9	72	0	0	0	0	22	30.56	46	63.89	4	5.56	72	100
	TS	400	0	0	1	0.25	188	47	182	45.5	29	7.25	399	99.75
Tin học	Khối 6	114	0	0	0	0	46	40.35	50	43.86	18	15.79	114	100
	Khối 7	117	0	0	0	0	53	45.3	53	45.3	11	9.4	117	100
	Khối 8	97	0	0	1	1.03	47	48.45	39	40.21	10	10.31	96	98.97
	Khối 9	72	0	0	0	0	30	41.67	34	47.22	8	11.11	72	100
	TS	400	0	0	1	0.25	176	44	176	44	47	11.75	399	99.75

Môn	Khối	Đ		CĐ	
		SL	%	SL	%
Giáo dục thể chất	Khối 6	114	100	0	0
	Khối 7	117	100	0	0
	Khối 8	96	98.97	1	1.03
	Khối 9	72	100	0	0
	TS	399	99.75	1	0.25
Nghệ Thuật	Khối 6	114	100	0	0
	Khối 7	117	100	0	0
	Khối 8	96	98.97	1	1.03
	Khối 9	72	100	0	0
	TS	399	99.75	1	0.25

HĐ TN, hướng nghiệp	Khối 6	114	100	0	0
	Khối 7	117	100	0	0
	Khối 8	96	98.97	1	1.03
	Khối 9	72	100	0	0
	TS	399	99.75	1	0.25
Giáo dục địa phương	Khối 6	114	100	0	0
	Khối 7	117	100	0	0
	Khối 8	97	100	0	0
	Khối 9	72	100	0	0
	TS	400	100	0	0

2. Chất lượng đội ngũ:

a) Xếp loại Cán bộ quản lý.

Hiệu trưởng: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Phó hiệu trưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Xếp loại giáo viên, nhân viên.

-Có 04 giáo viên đạt CSTĐ, 01 CBQL đạt CSTĐ, 01 giáo viên đề nghị Thủ tướng tặng bằng khen.

-Có 03 giáo viên được UBND huyện tặng giấy khen.

-Tập thể: Trường đạt danh hiệu LĐTĐ.

+ 100% hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên được công nhận.

c) **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

-Có 05 giáo viên dạy giỏi cấp huyện và 01 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh

-Tham dự kì thi VioEdu cấp trường, cấp huyện

-Liên đội: Đạt vững mạnh.

-Tham gia thi “Giai điệu tuổi hồng cấp huyện”, HKPD cấp huyện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Tiến Dũng